

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Số: *1920* /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lâm Đồng, ngày 31 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực công thương thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số thủ tục hành chính tại Quyết định số 1752/QĐ-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 55/TTr-SCT ngày 17 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực công thương thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Giám đốc/Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin;
- VNPT tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu: VT, TTPVHCC(N).



**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trọng Yên



Phụ lục 1
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC CÔNG
THƯƠNG THUỘC THẨM QUYỀN CỦA CẤP TỈNH, CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG
(Kèm theo Quyết định số 1921 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Thủ tục hành chính cấp tỉnh (57 TTHC)						
I	Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thủy điện					
1.	2.001384	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	Trong thời hạn 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

II Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng						
2.	1.013780	Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá
III Lĩnh vực cụm công nghiệp						
3.	1.012427	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	57 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản

						về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.
IV	Lĩnh vực Thương mại điện tử					
4.	1.002968	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về ứng dụng TMĐT bán hàng	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo đầy đủ, chính xác do thương nhân, tổ chức, cá nhân gửi qua Cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử; - Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ. - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014 của Bộ Công Thương quy định về quản lý website thương mại điện tử; - Thông tư 59/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động; - Thông tư 01/2022/TT-BCT ngày 18/01/2022 của Bộ Công

						Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 47/2014/TT-BCT.
5.	1.000758	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về website TMĐT bán hàng	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo đầy đủ, chính xác do thương nhân, tổ chức, cá nhân gửi qua Cổng thông tin quản lý hoạt động thương mại điện tử.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013; - Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014; - Thông tư 01/2022/TT-BCT ngày 18/01/2022.
6.	1.000799	Sửa đổi, bổ sung thông tin đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website TMĐT	Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo đầy đủ, chính xác của thương nhân, tổ chức	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013; - Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014; - Thông tư 01/2022/TT-BCT ngày 18/01/2022.
V Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ						
7.	1.003401	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng VLNCN, tiền chất thuốc nổ	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15; - Nghị định số 181/2024/NĐ-

						CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực thương mại điện tử; - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.
8.	2.000229	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	20 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật số 42/2024/QH15; - Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025;

						- Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07/11/2024; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025.
9.	2.000210	Cấp lại chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật số 42/2024/QH15; - Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07/11/2024; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025.
VI Lĩnh vực xúc tiến thương mại						
10.	2.000026	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Thương mại số 36/2005/QH11; - Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại; - Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật

						Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
11.	2.000133	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định.	- Luật Thương mại số 36/2005/QH11; - Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018; - Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.
VII Lĩnh vực Thương mại quốc tế						
12.	2.000255	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định.	- Luật Thương mại số 36/2005/QH11; - Luật số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017; - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của

						Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
13.	2.000370	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Thương mại số 36/2005/QH11; - Luật số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017; - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 .

14.	2.000362	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Thương mại số 36/2005/QH11; - Luật số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017; - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025.
15.	2.000351	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Thương mại số 36/2005/QH11; - Luật số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017; - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025.

16.	2.000340	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Thương mại số 36/2005/QH11; - Luật số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017; - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025.
17.	2.000330	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Thương mại số 36/2005/QH11; - Luật số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017; - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025.

18.	2.000272	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Thương mại số 36/2005/QH11; - Luật số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017; - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025.
19.	2.000361	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Thương mại số 36/2005/QH11; - Luật số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017; - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025.

20.	1.000774	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	58 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Thương mại số 36/2005/QH11; - Luật số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017; - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025.
21.	2.000339	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Thương mại số 36/2005/QH11; - Luật số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017; - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025.

22.	2.000334	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Thương mại số 36/2005/QH11; - Luật số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017; - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025.
23.	2.000322	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Thương mại số 36/2005/QH11; - Luật số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017; - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025.

24.	2.002166	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	58 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Thương mại số 36/2005/QH11; - Luật số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017; - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025.
25.	2.000665	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Thương mại số 36/2005/QH11; - Luật số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017; - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025.

26.	1.001441	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Thương mại số 36/2005/QH11; - Luật số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017; - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025.
VIII Lĩnh vực Điện						
27.	1.013411	Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Trong thời hạn 14 ngày từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định tại: - Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng	- Luật Điện lực ngày 30/11/2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực. - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại.

					phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.	
28.	1.013412	Cấp Giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh	Trong thời hạn 14 ngày từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định tại: - Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu,	- Luật Điện lực ngày 30/11/2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025.

					nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.	
29.	0.013416	Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	14 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định tại: - Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy	- Luật Điện lực ngày 30/11/2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025.

					định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.	
IX Lĩnh vực Xuất nhập khẩu						
30.	1.001238	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	03 ngày làm việc, kể từ ngày thương nhân nộp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số

						điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/ 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.
31.	1.001104	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017;

		do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	đầy đủ, đúng quy định.			- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025.
32.	1.000421	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy phép quá cảnh hàng hóa	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025.
X Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước						
33.	1.004021	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực

						quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
34.	1.003992	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
35.	1.004007	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 .
XI Lĩnh vực Hóa chất						
36.	2.001547	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện	- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính	- Luật Hóa chất ngày 21/11/2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và

		trong lĩnh vực công nghiệp	doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.		Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/ 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
37.	2.001175	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính	- Luật Hóa chất ngày 21/11/2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017;

		trong lĩnh vực công nghiệp			Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.
38.	2.001172	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	- Luật Hóa chất ngày 21/11/2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.

			phương đặt trụ sở chính.			
39.	1.002758	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	- Luật Hóa chất ngày 21/11/2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.
40.	2.001161	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Quy định tại Thông tư số	- Luật Hóa chất ngày 21/11/2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017;

		trong lĩnh vực công nghiệp			08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.
41.	2.000652	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	- Luật Hóa chất ngày 21/11/2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.

			chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.			
42.	1.011506	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	- Luật Hóa chất ngày 21/11/2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.
43.	1.011507	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-	- Luật Hóa chất ngày 21/11/2007;

		chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp			BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.
44.	1.011508	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	- Luật Hóa chất ngày 21/11/2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.

			khác với địa phương đặt trụ sở chính			
XII Lĩnh vực Kinh doanh khí						
45.	2.001424	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Thương nhân.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
46.	1.000491	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.

47.	1.000510	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.
48.	1.005184	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.
49.	1.000649	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.
50.	1.005372	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.
51.	1.000706	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của pháp luật về	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020;

					phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.
52.	2.000146	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.
53.	1.000387	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.
XIII Lĩnh vực Công nghiệp nặng						
54.	1.001158	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa	a) Doanh nghiệp nộp hồ sơ theo quy định. Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch thuật, công chứng. Bên ngoài hồ sơ ghi đầy đủ các thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký xác nhận ưu đãi.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30/12/2015 của Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và

		b) Căn cứ hồ sơ đề nghị xác nhận ưu đãi của doanh nghiệp, trong vòng 05 ngày làm việc cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại khoản 3 Điều này, cơ quan có thẩm quyền có văn bản đề nghị doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. c) Sau thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan có thẩm quyền, nếu doanh nghiệp đề nghị xác nhận ưu đãi không thực hiện việc bổ sung,		hậu kiểm ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển; - Thông tư số 19/2021/TT-BCT ngày 23/11/2021 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015.
--	--	--	--	--

			hoàn thiện hồ sơ hoặc bổ sung không đầy đủ, hợp lệ thì cơ quan có thẩm quyền dừng việc xử lý hồ sơ. d) Sau khi doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền tiến hành thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần làm rõ thông tin được cung cấp trong hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra thực tế tại cơ sở hoặc có văn bản yêu cầu giải trình thông tin của hồ sơ. đ) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, các			
--	--	--	---	--	--	--

			giải trình thông tin hồ sơ của doanh nghiệp và kết quả kiểm tra thực tế (nếu có) đạt yêu cầu, Cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp Giấy xác nhận ưu đãi cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ phức tạp, cần thêm thời gian để thẩm định, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi có thể gia hạn nhưng tối đa không quá bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Việc gia hạn phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho doanh nghiệp đề nghị xác nhận ưu đãi.			
--	--	--	--	--	--	--

XIV	Lĩnh vực An toàn thực phẩm					
55.	2.000591	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định 15/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của luật an toàn thực phẩm; - Thông tư 43/2018/TT-BCT quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;

						- Thông tư 13/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
56.	2.000535	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ. - Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ. - Trường hợp cấp lại do cơ sở thay	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018; - Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018; - Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020.

			đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ. - Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ. - Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay			
--	--	--	--	--	--	--

			đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ. - Trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có tăng về cơ sở kinh doanh: Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ. - Trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có giảm về cơ sở kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ.			
--	--	--	--	--	--	--

XV Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng						
57.	1.001335	Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (06 TTHC)						
I Lĩnh vực Lưu thông hành hóa trong nước						
1	2.000633	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

2	1.001279	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của thương nhân.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.
3	2.000629	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.
II Lĩnh vực kinh doanh khí						
4	2.001283	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung

						một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
5	2.001261	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.
6	2.001270	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ
I	Lĩnh vực Phát triển và quản lý chợ		
1	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Tài chính
II	Lĩnh vực An toàn thực phẩm		
2	2.001293	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm	Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
3	2.001278	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm	Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương



Phụ lục 2

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 1931 / QĐ-UBND, ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. LĨNH VỰC AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN (01 TTHC)

1. Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện (Mã TTHC: 2.001384)

Thời gian thực hiện TTHC: Trong thời hạn 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,25 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý Năng lượng	15 ngày
B4	Kiểm duyệt Tờ trình	Lãnh đạo Phòng Quản lý Năng lượng	01 ngày
B5	Ký duyệt hồ sơ trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Công Thương	02 ngày
B6	Phát hành, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở Công Thương	01 ngày
B7	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Văn thư UBND tỉnh	0,5 ngày
B8	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày
B9	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên UBND tỉnh	01 ngày
B10	Kiểm duyệt kết quả, trình Lãnh đạo UBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày
B11	Ký duyệt kết quả	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày

B12	Phát hành và trả kết quả về Sở Công Thương	Văn thư UBND tỉnh	0,5 ngày
B13	Số hoá và chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày
B14	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,25 ngày

II. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG (02 TTHC)

1. Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá (Mã TTHC: 1013780)

Thời gian thực hiện TTHC: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	10 ngày
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	02 ngày
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

2. Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước (Mã TTHC: 1.001335)

Thời gian thực hiện TTHC: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc

B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	15 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	02 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

III. LĨNH VỰC CỤM CÔNG NGHIỆP (01 TTHC)

1. Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp (Mã TTHC: 1.012427)

Thời gian thực hiện TTHC: 57 ngày¹

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/ Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	0,5 ngày
B3	Thông báo rộng rãi việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị thành lập/mở rộng cụm công nghiệp trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương	Chuyên viên Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/ Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	04 ngày
	Tiếp nhận hồ sơ đề nghị thành lập/ mở rộng cụm công nghiệp sau thời gian thông báo rộng rãi		15 ngày
	Kết thúc thời gian nhận hồ sơ, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây		03 ngày

¹ Điều chỉnh các bước thành ngày để dựng Quy trình điện tử

	dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp lập 02 bộ hồ sơ thành lập/mở rộng cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ		
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/ Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	0,5 ngày
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày
B6	Đóng dấu chuyển Trung tâm Phục vụ HCC cấp xã	Văn thư Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	0,5 ngày
B7	Tiếp nhận và gửi hồ sơ về phục vụ hành chính công tỉnh (quầy Sở Công Thương)	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày
B8	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày
B9	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày
B10	Thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập/mở rộng cụm công nghiệp, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh việc thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	20 ngày
	Lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (<i>thông qua Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp do UBND cấp tỉnh thành lập, chấm điểm với thang điểm 100 cho 04 tiêu chí theo khoản 2 Điều 13 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP</i>).		

	Trường hợp hồ sơ, nội dung Báo cáo thành lập/mở rộng cụm công nghiệp không đáp ứng yêu cầu, Sở Công Thương có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.		Không quy định thời gian
B11	Kiểm duyệt Tờ trình	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	02 ngày
B12	Ký duyệt hồ sơ trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày
B13	Phát hành, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày
B14	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Văn thư UBND tỉnh	0,5 ngày
B15	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày
B16	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên UBND tỉnh	02 ngày
B17	Kiểm duyệt kết quả, trình Lãnh đạo UBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày
B18	Ký duyệt kết quả	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày
B19	Phát hành và trả kết quả về Sở Công Thương	Văn thư UBND tỉnh	0,5 ngày
B20	Số hoá và chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày
B21	Tiếp nhận và chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ HCC cấp xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	01 ngày
B22	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian

IV. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ (03 TTHC)

1. Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về ứng dụng TMĐT bán hàng (Mã TTHC: 1.002968)

Thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo đầy đủ, chính xác do thương nhân, tổ chức, cá nhân gửi qua Cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,25 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	0,25 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	1,5 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	0,25 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

2. Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về website TMĐT bán hàng (Mã TTHC: 1.000758)

Thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo đầy đủ, chính xác do thương nhân, tổ chức, cá nhân gửi qua Cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,25 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	0,25 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	1,5 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	0,25 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

3. Sửa đổi, bổ sung thông tin đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website TMDT (Mã TTHC: 1.000799)

Thời gian thực hiện TTHC: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo đầy đủ, chính xác của thương nhân, tổ chức

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	03 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

V. LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ (03 TTHC)

1. Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng VLNCN, tiền chất thuốc nổ (Mã TTHC: 1.003401)

Thời gian thực hiện TTHC: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,25 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	0,25 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	1,5 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	0,25 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

2. Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp (Mã TTHC: 2.000229)

Thời gian thực hiện TTHC: 20 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	15 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	02 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

3. Cấp lại chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp (Mã TTHC: 2.000210)

Thời gian thực hiện TTHC: Trong thời hạn 03 ngày làm việc.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,25 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	0,25 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	1,5 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	0,25 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

VI. LĨNH VỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI (02 TTHC)

1. Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài (Mã TTHC: 2.000026)

Thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	02 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

2. Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài (Mã TTHC: 2.000133)

Thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	02 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

VII. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ (15 TTHC)

1. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa (Mã TTHC: 2.000255)

Thời gian thực hiện TTHC: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	06 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

2. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn (Mã TTHC: 2.000370)

Thời gian thực hiện TTHC: 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	23 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	02 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

3. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí (Mã TTHC: 2.000362)

Thời gian thực hiện TTHC: 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	23 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	02 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

4. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP (Mã TTHC: 2.000351)

Thời gian thực hiện TTHC: 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	23 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	02 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

5. Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (Mã TTHC: 2.000340)

Thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	1,5 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

6. Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (Mã TTHC: 2.000330)

Thời gian thực hiện TTHC: 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	23 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	02 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

7. Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP(Mã TTHC: 2.000272)

Thời gian thực hiện TTHC: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	15 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	02 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

8. Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) (Mã TTHC: 2.000361)

Thời gian thực hiện TTHC: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	15 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	02 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

9. Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) (Mã TTHC: 1.000774)

Thời gian thực hiện TTHC: 58 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ²

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày
B3	Thẩm định, kiểm tra hồ sơ đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP: + Trường hợp không đáp ứng điều kiện, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do; + Trường hợp đáp ứng điều kiện, đề xuất thành lập Hội đồng ENT theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 24 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP. <i>(Hội đồng ENT thành lập trong 07 ngày làm việc).</i>	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	09 ngày
	Tham mưu thực hiện Kiểm tra nhu cầu kinh tế <i>(thông qua Hội đồng ENT do UBND tỉnh thành lập, đánh giá các tiêu chí ENT quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP)</i>		30 ngày

² Điều chỉnh: 28 ngày làm việc và 30 ngày thành 58 ngày thì tất cả các bước đều là ngày để dựng Quy trình điện tử.

	- Trường hợp văn bản kết luận của Chủ tịch Hội đồng ENT đề xuất không cấp phép, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do; - Trường hợp văn bản kết luận của Chủ tịch Hội đồng ENT đề xuất cấp phép, gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP (Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).		03 ngày
B4	Kiểm duyệt	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày
B5	Ký duyệt hồ sơ trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày
B6	Phát hành, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày
B7	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Văn thư UBND tỉnh	0,5 ngày
B8	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày
B9	Xử lý hồ sơ: căn cứ vào nội dung tương ứng quy định tại Điều 25 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP để có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do (Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).	Chuyên viên UBND tỉnh	06 ngày

B10	Kiểm duyệt kết quả, trình Lãnh đạo UBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày
B11	Ký duyệt kết quả	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày
B12	Phát hành và trả kết quả về Sở Công Thương	Văn thư UBND tỉnh	0,5 ngày
B13	Tiếp nhận văn bản, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày
B14	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	0,25 ngày
B15	Tham mưu kết quả giải quyết: + Trường hợp nhận được văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tham mưu cấp Giấy phép cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ. + Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh từ chối, tham mưu văn bản trả lời và nêu rõ lý do.	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	1,5 ngày
B16	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	0,25 ngày
B17	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày
B18	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày
B19	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

10. Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mã TTHC: 2.000339)

Thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	1,5 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

11. Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m² (Mã TTHC: 2.000334)

Thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	1,5 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

12. Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại (Mã TTHC: 2.000339)
Thời gian thực hiện TTHC: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	15 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	02 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

13. Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini (Mã TTHC: 2.002166)

Thời gian thực hiện TTHC: 58 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ³

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày
B3	Thẩm định, kiểm tra hồ sơ đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP: + Trường hợp không đáp ứng điều kiện, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	09 ngày

³Điều chỉnh: 28 ngày làm việc và 30 ngày thành 58 ngày thì tất cả các bước đều là ngày để dựng Quy trình điện tử

	+ Trường hợp đáp ứng điều kiện, đề xuất thành lập Hội đồng ENT theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 24 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP. <i>(Hội đồng ENT thành lập trong 07 ngày làm việc).</i>		
	Tham mưu thực hiện Kiểm tra nhu cầu kinh tế <i>(thông qua Hội đồng ENT do UBND tỉnh thành lập, đánh giá các tiêu chí ENT quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP)</i>		30 ngày
	- Trường hợp văn bản kết luận của Chủ tịch Hội đồng ENT đề xuất không cấp phép, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do; - Trường hợp văn bản kết luận của Chủ tịch Hội đồng ENT đề xuất cấp phép, gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP <i>(Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).</i>		03 ngày
B4	Kiểm duyệt	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày
B5	Ký duyệt hồ sơ trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày

B6	Phát hành, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày
B7	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Văn thư UBND tỉnh	0,5 ngày
B8	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày
B9	Xử lý hồ sơ: căn cứ vào nội dung tương ứng quy định tại Điều 25 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP để có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do (<i>Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP</i>).	Chuyên viên UBND tỉnh	06 ngày
B10	Kiểm duyệt kết quả, trình Lãnh đạo UBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày
B11	Ký duyệt kết quả	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày
B12	Phát hành và trả kết quả về Sở Công Thương	Văn thư UBND tỉnh	0,5 ngày
B13	Tiếp nhận văn bản, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày
B14	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	0,25 ngày
B15	Tham mưu kết quả giải quyết: + Trường hợp nhận được văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tham mưu cấp Giấy phép cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	1,5 ngày

	+ Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh từ chối, tham mưu văn bản trả lời và nêu rõ lý do.		
B16	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	0,25 ngày
B17	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày
B18	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày
B19	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

14. Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mã TTHC: 2.000665)

Thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	1,5 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

15. Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mã TTHC: 1.001441)

Thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	0,5 ngày làm việc

B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	1,5 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

VIII. LĨNH VỰC ĐIỆN (03 TTHC)

1. Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013411)
Thời gian thực hiện TTHC: trong thời hạn 14 ngày từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý năng lượng	01 ngày
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý năng lượng	10 ngày
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý năng lượng	01 ngày
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

2. Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013412)
Thời gian thực hiện TTHC: trong thời hạn 14 ngày từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý năng lượng	01 ngày
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý năng lượng	10 ngày

B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý năng lượng	01 ngày
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

3. Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013416)

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 14 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý năng lượng	01 ngày
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý năng lượng	10 ngày
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý năng lượng	01 ngày
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

IX. LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU (03 TTHC)

1. Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu (Mã TTHC: 1.001238)

Thời gian thực hiện TTHC: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thương nhân nộp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,25 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	0,25 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	1,5 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	0,25 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

2. Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu (Mã TTHC: 1.001104)

Thời gian thực hiện TTHC: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,25 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	0,25 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	1,5 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	0,25 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

3. Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy phép quá cảnh hàng hóa (Mã TTHC: 1.000421)

Thời gian thực hiện TTHC: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,25 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	0,25 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	1,5 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	0,25 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

X. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC (03 TTHC)

1. Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) (Mã TTHC: 1.004021)

Thời gian thực hiện TTHC: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	10 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	02 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

2. Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) (Mã TTHC: 1003992)

Thời gian thực hiện TTHC: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	03 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

3. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) (Mã TTHC: 1.004007)

Thời gian thực hiện TTHC: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	03 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

XI. LĨNH VỰC HÓA CHẤT (09 TTHC)

1. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Mã TTHC: 2.001547)

** Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính*

Thời gian thực hiện TTHC: 12 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	06 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	02 ngày làm việc

B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	02 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

*** Trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính**
Thời gian thực hiện TTHC: 15 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	11 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Mã TTHC: 2.001175) - Thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	0,5 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	1,5 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

3. Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Mã TTHC: 2.001172)

** Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính*

Thời gian thực hiện TTHC: 12 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	06 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	02 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	02 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

** Trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính*

Thời gian thực hiện TTHC: 15 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	11 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

4. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Mã TTHC: 1.002758)

** Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính*

Thời gian thực hiện TTHC: 12 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	06 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	02 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	02 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

** Trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính*

Thời gian thực hiện TTHC: 15 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	11 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

5. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Mã TTHC: 2.001161)

Thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	0,5 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	1,5 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

6. Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Mã TTHC: 2.000652)

** Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính*

Thời gian thực hiện TTHC: 12 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	06 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	02 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	02 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

*** Trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính**
Thời gian thực hiện TTHC: 15 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	11 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

7. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Mã TTHC: 1.011506)

*** Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính**
Thời gian thực hiện TTHC: 12 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	06 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	02 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	02 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

*** Trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính**
Thời gian thực hiện TTHC: 15 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	11 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

8. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Mã TTHC: 1.011507)

Thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	0,5 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	1,5 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

9. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất và kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Mã TTHC: 1.011508)

** Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính*

Thời gian thực hiện TTHC: 12 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	06 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	02 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	02 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

** Trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính*

Thời gian thực hiện TTHC: 15 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	11 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

XII. LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ (09 TTHC)

1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG (Mã TTHC: 2.001424)

Thời gian thực hiện TTHC: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Thương nhân.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	10 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	02 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

2. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG (Mã TTHC: 1.000491)

Thời gian thực hiện TTHC: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	03 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

3 Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG (Mã TTHC: 1.000510)

Thời gian thực hiện TTHC: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	03 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

4. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG (Mã TTHC: 1.005184)

Thời gian thực hiện TTHC: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	10 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	02 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

5. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG (Mã TTHC: 1.000649)

Thời gian thực hiện TTHC: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	03 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

6. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG (Mã TTHC: 1.005372)

Thời gian thực hiện TTHC: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	03 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

7. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG (Mã TTHC: 1.000706)

Thời gian thực hiện TTHC: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	10 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	02 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

8. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG (Mã TTHC: 2.000146)

Thời gian thực hiện TTHC: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	03 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

9. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG (Mã TTHC: 1.000387)

Thời gian thực hiện TTHC: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	03 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

XIII. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP NẶNG (01 TTHC)

1. Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa (Mã TTHC: 1.001158)

Thời gian thực hiện TTHC: 50 ngày làm việc⁽⁴⁾

⁽⁴⁾ a) Doanh nghiệp nộp hồ sơ theo quy định. Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch thuật, công chứng. Bên ngoài hồ sơ ghi đầy đủ các thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký xác nhận ưu đãi.

b) Căn cứ hồ sơ đề nghị xác nhận ưu đãi của doanh nghiệp, trong vòng 05 ngày làm việc cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại khoản 3 Điều này, cơ quan có thẩm quyền có văn bản đề nghị doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Sau thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan có thẩm quyền, nếu doanh nghiệp đề nghị xác nhận ưu đãi không thực hiện việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc bổ sung không đầy đủ, hợp lệ thì cơ quan có thẩm quyền dừng việc xử lý hồ sơ.

d) Sau khi doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền tiến hành thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần làm rõ thông tin được cung cấp trong hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra thực tế tại cơ sở hoặc có văn bản yêu cầu giải trình thông tin của hồ sơ.

đ) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, các giải trình thông tin hồ sơ của doanh nghiệp và kết quả kiểm tra thực tế (nếu có) đạt yêu cầu, Cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp Giấy xác nhận ưu đãi cho doanh nghiệp.

Trường hợp hồ sơ phức tạp, cần thêm thời gian để thẩm định, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi có thể gia hạn nhưng tối đa không quá bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Việc gia hạn phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho doanh nghiệp đề nghị xác nhận ưu đãi.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	03 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	40 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	03 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	03 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

XIV. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM (02 TTHC)

1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (Mã TTHC: 2.000591)

Thời gian thực hiện TTHC: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B3*	Thẩm định, xử lý hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Tham mưu văn bản thông báo, yêu cầu cơ sở bổ sung hồ sơ. ⁵ - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Thành lập đoàn thẩm định. - Tiến hành thẩm định thực tế:	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	20 ngày làm việc

⁵ Sau 30 ngày kể từ ngày thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không bổ sung hoặc bổ sung không đầy đủ thì hồ sơ không còn giá trị.

	+ Kết quả thẩm định “Đạt”: Tiến hành dự thảo giấy chứng nhận trình lãnh đạo phòng. + Kết quả thẩm định “Chờ hoàn thiện”: Tạm dừng hồ sơ theo thời hạn khắc phục tối đa là 60 ngày kể từ ngày có biên bản thẩm định, cơ sở phải nộp báo cáo kết quả khắc phục để tổ chức thẩm định lại. Thời hạn thẩm định lại tối đa là 10 ngày làm việc tính từ khi cơ quan có thẩm quyền nhận được báo cáo khắc phục. Sau 60 ngày cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục thì hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và kết quả thẩm định trước đó với kết luận “Chờ hoàn thiện” không còn giá trị. + Kết quả thẩm định “Không đạt” hoặc quá thời hạn 60 ngày mà cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục, chuyên viên tham mưu thông báo bằng văn bản tới cơ quan quản lý địa phương để giám sát, yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp giấy chứng nhận.		
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	02 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (Mã TTHC: 2.000535)

2.1. Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng:

Thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,25 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	0,25 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	1,5 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	0,25 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

2.2. Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực⁽⁶⁾

Thời gian thực hiện TTHC: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B3*	Thẩm định, xử lý hồ sơ:	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	20 ngày làm việc

⁽⁶⁾ Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận thực hiện theo quy định như cấp lần đầu.

	- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Tham mưu văn bản thông báo, yêu cầu cơ sở bổ sung hồ sơ.⁷ - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Thành lập đoàn thẩm định. - Tiến hành thẩm định thực tế: + Kết quả thẩm định “Đạt”: Tiến hành dự thảo giấy chứng nhận trình lãnh đạo phòng. + Kết quả thẩm định “Chờ hoàn thiện”: Tạm dừng hồ sơ theo thời hạn khắc phục tối đa là 60 ngày kể từ ngày có biên bản thẩm định, cơ sở phải nộp báo cáo kết quả khắc phục để tổ chức thẩm định lại. Thời hạn thẩm định lại tối đa là 10 ngày làm việc tính từ khi cơ quan có thẩm quyền nhận được báo cáo khắc phục. Sau 60 ngày cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục thì hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và kết quả thẩm định trước đó với kết luận “Chờ hoàn thiện” không còn giá trị. + Kết quả thẩm định “Không đạt” hoặc quá thời hạn 60 ngày mà cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục, chuyên viên tham mưu thông báo		
--	--	--	--

⁷ Sau 30 ngày kể từ ngày thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không bổ sung hoặc bổ sung không đầy đủ thì hồ sơ không còn giá trị.

	bằng văn bản tới cơ quan quản lý địa phương để giám sát, yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp giấy chứng nhận.		
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	02 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

2.3. Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh

Thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,25 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	0,25 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	1,5 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	0,25 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

2.4. Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh

Thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,25 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	0,25 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	1,5 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	0,25 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

2.5. Trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có tăng về cơ sở kinh doanh, việc điều chỉnh Giấy chứng nhận⁽⁸⁾

Thời gian thực hiện TTHC: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B3*	Thẩm định, xử lý hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Tham mưu văn bản thông báo, yêu cầu cơ sở bổ sung hồ sơ. ⁹ - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Thành lập đoàn thẩm định. - Tiến hành thẩm định thực tế:	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	20 ngày làm việc

⁽⁸⁾ Thực hiện theo quy định như cấp lần đầu

⁹ Sau 30 ngày kể từ ngày thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không bổ sung hoặc bổ sung không đầy đủ thì hồ sơ không còn giá trị.

	+ Kết quả thẩm định “Đạt”: Tiến hành dự thảo giấy chứng nhận trình lãnh đạo phòng. + Kết quả thẩm định “Chờ hoàn thiện”: Tạm dừng hồ sơ theo thời hạn khắc phục tối đa là 60 ngày kể từ ngày có biên bản thẩm định, cơ sở phải nộp báo cáo kết quả khắc phục để tổ chức thẩm định lại. Thời hạn thẩm định lại tối đa là 10 ngày làm việc tính từ khi cơ quan có thẩm quyền nhận được báo cáo khắc phục. Sau 60 ngày cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục thì hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và kết quả thẩm định trước đó với kết luận “Chờ hoàn thiện” không còn giá trị. + Kết quả thẩm định “Không đạt” hoặc quá thời hạn 60 ngày mà cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục, chuyên viên tham mưu thông báo bằng văn bản tới cơ quan quản lý địa phương để giám sát, yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp giấy chứng nhận.		
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	02 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

2.6. Trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có giảm về cơ sở kinh doanh

Thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,25 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	0,25 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	1,5 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	0,25 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

I. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC (03 TTHC)

1. Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Mã TTHC: 2.000633)

Thời gian thực hiện: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/ Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/ Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	06 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/ Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu, số hoá, phát hành	Văn thư Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian

2. Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Mã TTHC: 1.001279)

Thời gian thực hiện: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của thương nhân.

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/ Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	0,5 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/ Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	3,5 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/ Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu, số hoá, phát hành	Văn thư Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian

3. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Mã TTHC: 2.000629)

Thời gian thực hiện: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của thương nhân.

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/ Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	0,5 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/ Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	3,5 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/ Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	01 ngày làm việc

B6	Đóng dấu, số hoá, phát hành	Văn thư Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian

II. LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ (03 TTHC)

1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (Mã TTHC: 2.001283)

Thời gian thực hiện: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/ Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/ Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	09 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/ Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	02 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	02 ngày làm việc
B6	Đóng dấu, số hoá, phát hành	Văn thư Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian

2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (Mã TTHC: 2.001261)

Thời gian thực hiện: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của thương nhân.

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/ Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	0,5 ngày làm việc

B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/ Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	3,5 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/ Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu, số hoá, phát hành	Văn thư Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian

3. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (Mã TTHC: 2.001270)

Thời gian thực hiện: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của thương nhân.

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/ Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	0,5 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/ Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	3,5 ngày làm việc
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/ Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu, số hoá, phát hành	Văn thư Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian